TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 24 - 7 - 2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Bà Đoàn Thị Dịu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT: Đội 9, T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức K kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị T đề nghị xin ly hôn anh Nguyễn Đức K.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị với anh K và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 6 năm 2020 anh Nguyễn Đức K trình bày:

Anh có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh về việc chị Lê Thị Mộng T có đơn xin ly hôn anh. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh K xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm của anh vẫn còn. Anh mong chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ, còn nếu chị T cố tình đòi ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh K có đơn xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Đức K kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa. Yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Mộng T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Đức K.

2. Án phí: Chị Lê Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001450 ngày 09/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chi T phải nộp. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mộng T, anh Nguyễn Đức K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã L;
- UBND xã C, huyện T, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng